

Bản án số: 11/2024/HS-ST

Ngày: 24-01-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG – THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hiến

Bà Phan Thị Thanh Huệ

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa:* Ông Võ Phúc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 130/2023/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Đồng Dương K**, sinh năm 1989 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Khác; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đồng C** và bà **Ngư Thị L**.

Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 19/7/2010, **Đồng Dương K** bị Tòa án nhân dân TP Phan Rang – T xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 36/2010/HSST. Hiện bị cáo chưa thi hành xong về bồi thường dân sự cho bị hại **Nguyễn Thị H**.

Nhân thân:

+ Ngày 26/12/2008, **Đồng Dương K** bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 12/2008/HSST.

+ Ngày 28/11/2014, **Đồng Dương K** bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số 50/2014/HSST.

+ Ngày 19/4/2023, **Đồng Dương K** bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số 18/2023/HS-ST;

+ Ngày 13/9/2023, **Đồng Dương K** bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 97/2023/HS-ST;

+ Ngày 03/11/2022, **Đồng Dương K** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an T4**, tỉnh Khánh Hòa, khởi tố về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

+ Ngày 18/01/2023, **Đồng Dương K** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H**, tỉnh Bình Thuận khởi tố về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo **Đồng Dương K** đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ **Công an T4**, tỉnh Khánh Hòa; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác X)**, sinh năm 1991 tại Ninh Thuận; nơi cư trú: **Thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Đỗ Thị L1**;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 20/9/2013, Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – **T, tỉnh Ninh Thuận** xử phạt **Nguyễn Ngọc T** 24 tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo bản án số 84/2013/HSST. Ngày 22/11/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của **Nguyễn Ngọc T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 84/2013 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – **T**, xử phạt bị cáo 24 tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo bản án số 95/2013/HSPT. Hiện bị cáo chưa thi hành xong bồi thường dân sự cho các bị hại, án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm;

+ Ngày 29/8/2013, **Nguyễn Ngọc T** bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 29/2013/HSST. Hiện bị cáo chưa thi hành xong bồi thường dân sự cho bị hại;

+ Ngày 25/9/2013, **Nguyễn Ngọc T** bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 53/2013/HSST. Hiện bị cáo chưa thi hành xong bồi thường dân sự cho bị hại;

+ Ngày 05/11/2013, **Nguyễn Ngọc T** bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 42/2013/HSST. Hiện bị cáo chưa thi hành xong bồi thường dân sự cho bị hại;

+ Ngày 18/12/2013, **Nguyễn Ngọc T** bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 32 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 30/2013/HSST. Hiện bị cáo chưa thi hành xong bồi thường dân sự cho bị hại.

Nhân thân:

+ Ngày 19/4/2023, **Nguyễn Ngọc T** bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số 18/2023/HS-ST;

+ Ngày 13/9/2023, **Nguyễn Ngọc T** bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 97/2023/HS-ST;

+ Ngày 03/11/2022, **Nguyễn Ngọc T** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an T4**, tỉnh Khánh Hòa, khởi tố về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

+ Ngày 18/01/2023, **Nguyễn Ngọc T** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H**, tỉnh Bình Thuận khởi tố về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ **Công an T4**, tỉnh Khánh Hòa; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

+ Ông **Đặng Tuấn A**, sinh năm: 1971. Địa chỉ: **Khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị Tuyết M**, sinh năm: 1968. Địa chỉ: **Khu phố C, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1970. Địa chỉ: **Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (Có mặt).

+ Bà **Đặng Thị Thanh T1**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: **Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (Có mặt).

**- Người làm chứng:**

+ Bà **Phạm Thị B**, sinh năm: 1966. Địa chỉ: **Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (Vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị Phương T2**, sinh năm: 1978. Địa chỉ: **Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/10/2022 đến ngày 29/10/2022 **Đồng Dương K** và **Nguyễn Ngọc T** đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và 03 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn **TP .- T**, để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

- Vụ trộm cắp tài sản: Khoảng 17 giờ ngày 03/10/2022, **Đồng Dương K** rủ **Nguyễn Ngọc T** đi tìm tài sản để sơ hở của người dân chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì **T** đồng ý. **K** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo 4 màu bạc (*mượn của bạn, không rõ biển số*) chở **T** ngồi sau đi trên **đường B thuộc khu phố**

B, phường P thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 135, màu xanh trắng, biển số 85B1-168.20 của ông **Đặng Tuấn A** dựng trước nhà, chìa khoá xe đang cắm trên ổ khoá, không có người trông coi nên **K** ra hiệu cho **T** biết rồi dừng xe lại cách vị trí xe mô tô trên khoảng 5m, **K** đi bộ đến xe mô tô còn **T** ở lại để cảnh giới. **K** đi đến dắt trộm xe mô tô trên, mở khoá xe, nổ máy rồi điều khiển xe vừa trộm được đi về nhà của **K** để cất giấu, **T** điều khiển xe Yamaha Nouvo 4 chạy theo sau. Sau đó, **K** và **T** sử dụng xe mô tô trộm được để đi thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản rồi **T** đem xe mô tô này bán cho một người tên **L2** (Không rõ nhân thân lai lịch) ở **TP**, được 4.000.000 đồng, số tiền này **K** và **T** chia nhau mỗi người một nửa, tiêu xài cá nhân hết.

- Các vụ cướp giật tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 06/10/2022, **K** điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter 135, màu xanh trắng, biển số 85B1-168.20 (là xe trộm trước đó của ông **Đặng Tuấn A**) rủ **T** cùng đi tìm tài sản để chiếm đoạt thì **T** đồng ý. **K** điều khiển xe chở **T** ngồi sau đi trên các tuyến đường thuộc **TP**. - **T**. Khi đi vào **đường Y, thuộc khu phố C, phường M**, bị cáo **K** phát hiện bà **Trần Thị Tuyết M** đang ngồi trên xe đạp điện mua đồ, trên cổ bà **M** có đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên đã nói cho **T** biết. Đồng thời, **K** điều khiển xe quay lại chạy đến gần, áp sát bà **M** rồi **K** đưa tay phải ra giật sợi dây chuyền vàng nhưng không lấy được tài sản, bà **M** bị trầy nhẹ da vùng cổ, bai bị cáo tăng tốc bỏ chạy.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 15/10/2022, **K** điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter 135, màu xanh trắng, biển số 85B1-168.20 chở **T** ngồi sau cùng đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đến **đường Y, thuộc khu phố A, phường M** thì **K** nhìn thấy bà **Trần Thị V** đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số 85B1-74625 chở bà **Phạm Thị B** trên cổ bà **V** có đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên **K** nói cho **T** biết. Sau đó, **K** điều khiển xe chạy theo sau được 01 đoạn rồi tăng tốc đến áp sát và đưa tay phải ra giật đứt, lấy sợi dây chuyền vàng đưa cho **T** cầm rồi tăng tốc chạy thoát. Trong lúc cả hai bỏ chạy, **T** đã làm rơi mất sợi dây chuyền vàng vừa cướp giật được của bà **V**.

Vụ thứ ba: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/10/2022, **K** điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter 150, màu đỏ, bị cáo tự gắn biển số 70B1-814.42 (là xe Khoa và **T** trộm cắp được tại **huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có biển số 49G1-303.38**) chở **T** ngồi sau cùng đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đến **đường B, đoạn gần chợ T5, K** phát hiện bà **Đặng Thị Thanh T1** đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đen đỏ, biển số 85B1-444.95 đi ngược chiều, trên cổ bà **Đặng Thị Thanh T1** có đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên đã nói cho **T** biết. Đồng thời, **K** điều khiển xe quay lại, chạy theo sau bà **T1** chờ cơ hội để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Khi đến **T6, thuộc khu phố A, phường Đ, TP**. - **T**, **K** quan sát xung quanh thấy vắng người nên điều khiển xe mô tô chạy lên áp sát phía bên trái của chị **T1** rồi dùng tay phải giật đứt, lấy được sợi dây chuyền vàng. Cùng lúc này, **T** ngồi sau dùng tay phải đẩy chị **T1** ra, không để xe mô tô của chị **T1** ngã về phía xe mô tô do **K** điều khiển. Khi lấy được tài sản, **K** đưa sợi dây chuyền trên cho **T** cầm rồi tăng tốc chạy thoát. Đến sáng ngày

30/10/2022, **K** đem sợi dây chuyền vàng vừa chiếm đoạt được bán cho tiệm vàng (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Thuận được 16.000.000 đồng. **K** và **T** chia nhau mỗi người 8.000.000 đồng, số tiền này, **K** và **T** đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 32/KLTS, ngày 18/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **TP . - T**, kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k và kiểu chữ cong, trọng lượng là 6 chỉ 3 phân và 01 mặt dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k, hình tròn, trọng lượng là 1 chỉ có giá trị vào ngày 15/10/2022 là 28.689.000 đồng.

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k, dạng sợi xích, trọng lượng là 4 chỉ 8 phân 7 ly và 01 mặt dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k, hình dạng giọt nước, ở giữa, xung quanh có gắn đá, trọng lượng là 9 phân 6 ly có giá trị vào ngày 29/10/2022 là 23.110.120 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 135, màu xanh – trắng, biển số 85B1-168.20, có giá trị vào ngày 03/10/2022 là 12.000.000 đồng.

Đối với sợi dây chuyền mà bị cáo **K, T** thực hiện hành vi cướp giật tài sản vào ngày 06/10/2022 của bà **Trần Thị Tuyết M**, thì bà **M** đã làm mất khi đi du lịch, bà không còn nhớ giá trị, trọng lượng và cửa hàng khi mua. Do đó, không có cơ sở để định giá sợi dây chuyền của bà **M**.

Cáo trạng số 127/CT-VKSPR ngày 21/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – **T, tỉnh Ninh Thuận** truy tố các bị cáo **Đồng Dương K** và **Nguyễn Ngọc T** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “*Cướp giật tài sản*” theo Điểm c, d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo **K, T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo **Đồng Dương K** và **Nguyễn Ngọc T** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “*Cướp giật tài sản*” theo Điểm c, d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo **K, T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo **K, T**, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

Điểm c, d Khoản 2 Điều 171; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo **K, T** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”. Xử phạt bị cáo **K, T**, mỗi bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận và đồng ý với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố P – T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nên đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 03/10/2022 đến ngày 29/10/2022, trên địa bàn TP. - T, Đồng Dương K và Nguyễn Ngọc T, đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135, màu xanh – trắng, biển số 85B1-1682 của ông Đặng Tuấn A, trị giá 12.000.000 đồng và 03 vụ cướp giật tài sản của bà Trần Thị Tuyết M 01 sợi dây chuyền vàng nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản; của bà Trần Thị V 01 sợi dây chuyền vàng và 01 mặt dây chuyền vàng trị giá 28.689.000 đồng; của bà Đặng Thị Thanh T1 01 sợi dây chuyền vàng và 01 mặt dây chuyền bằng trị giá 23.110.120 đồng; tổng trị giá tài sản mà K và T cướp giật chiếm đoạt được là 51.799.120 đồng. Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, các bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm.

Vì vậy, Cáo trạng số 127/CT-VKSPR ngày 21/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận truy tố các bị cáo Đồng Dương K và Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm c, d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự và độ tuổi theo quy định; cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, phải xử lý thật nghiêm trước pháp luật, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo có tiền án, nhân thân xấu. Các bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường

hợp “Tái phạm”; riêng hành vi cướp giật tài sản, các bị cáo có thêm tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên”; các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này được quy định tại Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã “Thành khẩn khai báo” và “Tự thú”, tự khai báo lần phạm tội trước; các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm r, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo 4 màu bạc (không rõ biển số) mà bị cáo K, T sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 03/10/2022. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên bị cáo K mượn của một người bạn tên là P (không rõ nhân thân lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh, sau khi dùng làm phương tiện phạm tội, K đã trả lại cho P nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, sẽ tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135, màu xanh – trắng, biển số 85B1-168.20 mà K và T trộm cắp của anh Đặng Tuấn A rồi dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật vào ngày 06/10/2022 và ngày 15/10/2022, T đã bán cho một người tên L2 (không rõ nhân thân lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, sẽ tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150, màu đỏ mà bị cáo tự gắn biển số 70B1-814.42 và sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 29/10/2022 là tang vật trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện D, tỉnh Lâm Đồng (là xe Khoa và T trộm cắp được tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có biển số 49G1-303.38). Chiếc xe này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T4, tỉnh Khánh Hòa đã tạm giữ, sau đó bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng và hiện nay đã được Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo bản án số 97/2023/HS-ST ngày 13/9/2023 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k, dạng sợi xích, trọng lượng là 4 chỉ 8 phân 7 ly và 01 mặt dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k, hình dạng giọt nước ở giữa, xung quanh có gắn đá, trọng lượng là 9 phân 6 ly mà K và T cướp giật của bà Trần Thị V vào ngày 15/10/2022, Trong lúc cả hai bỏ chạy, T đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Đối với 01 sợi dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k, kiểu chữ cong, trọng lượng là 6 chỉ 3 phân và 01 mặt dây chuyền bằng vàng, loại vàng 18k, hình tròn, trọng lượng là 1 chỉ mà K và T cướp giật được của chị Đặng Thị Thanh T1 vào ngày 29/10/2022, K đã bán cho tiệm vàng (Không rõ tên và địa chỉ cụ thể) ở xã L, huyện B, tỉnh Bình Thuận, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[6] Về bồi thường dân sự:

Các bị hại Trần Thị V, Đặng Thị Thanh T1 và Đặng Tuấn A yêu cầu bị cáo K và T liên đới bồi thường dân sự như sau: Bà V số tiền 20.000.000 đồng; bà T1 số

tiền 20.000.000 đồng; ông A số tiền 12.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, **Đồng Dương K** và **Nguyễn Ngọc T** giữ nguyên sự thỏa thuận về việc đồng ý bồi thường theo yêu cầu các bị hại như trên. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật và chia phần như sau:

- Bị cáo **K** bồi thường cho: Bà **Trần Thị V** số tiền 10.000.000 đồng; bà **Đặng Thị Thanh T1** số tiền 10.000.000 đồng; ông **Đặng Tuấn A** số tiền 6.000.000 đồng.

- Bị cáo **T** bồi thường cho: Bà **Trần Thị V** số tiền 10.000.000 đồng; bà **Đặng Thị Thanh T1** số tiền 10.000.000 đồng; ông **Đặng Tuấn A** số tiền 6.000.000 đồng.

Đối với 01 sợi dây chuyền vàng bị cướp giật của bị hại **Trần Thị Tuyết M**, do các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự của các bị cáo là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào Điểm c, d Khoản 2 Điều 171; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự .

Tuyên bố bị cáo **Đồng Dương K** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Đồng Dương K** 05 (Năm) năm tù.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Đồng Dương K** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Đồng Dương K** 15 (Mười lăm) tháng tù.

- Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Đồng Dương K** chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ vào Điểm c, d Khoản 2 Điều 171; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự .

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc T (X)** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T (X)** 05 (Năm) năm tù.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc T (X)** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T (X)** 15 (Mười lăm) tháng tù.

- Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc T** (Xi) chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

### 3. Về bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo **Đồng Dương K**, **Nguyễn Ngọc T3** với các bị hại bà **Trần Thị V**, bà **Đặng Thị Thanh T1** và ông **Đặng Tuấn A** về liên đới bồi thường dân sự cho các bị hại như sau:

- Bị cáo **Đồng Dương K** bồi thường cho: Bà **Trần Thị V** số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); bà **Đặng Thị Thanh T1** số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); ông **Đặng Tuấn A** số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** bồi thường cho: Bà **Trần Thị V** số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); bà **Đặng Thị Thanh T1** số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); ông **Đặng Tuấn A** số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Đồng Dương K**, **Nguyễn Ngọc T**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại bà **Trần Thị V**, **Đặng Thị Thanh T1**; quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP.PRTC;
- Công an TP.PRTC;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nguyên Vy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

